

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST

Ngày 21-7-2020

*“V/v Tranh chấp nam, nữ chung
sống với nhau như vợ chồng mà
không đăng ký kết hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tấn;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Oanh Kiều;

Ông Trần Văn Chiến;

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Tiết Thị Long, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 321/2020/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 7 năm 2020 về *“Tranh chấp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1971 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn:* Chị Kim Thị Ph, sinh năm 1975 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp D, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/6/2020, bản tự khai ngày 09/7/2020 và quá trình tố tụng nguyên đơn anh Đỗ Văn H trình bày: Năm 1996 do quen biết trước nên anh với chị Kim Thị Ph tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau được hai bên gia đình, tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới hai vợ chồng về sống chung bên chồng. Cuộc sống rất hạnh phúc, luôn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và có ba đứa con tên Đỗ Thị B, sinh năm 1997, Đỗ Thị Q, sinh năm 1999 và tên Đỗ Thúy K, sinh ngày 20/02/2005. Đến ngày 25/12/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay, có tạo điều kiện hàn gắn nhưng không thành. Do đời sống chung không thể kéo dài, không thể hàn gắn lại. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được.

Với lý do nêu trên, anh H yêu cầu Tòa án không công nhận anh với chị Kim Thị Ph là vợ chồng; Về con chung tên Đỗ Thị B, sinh năm 1997, Đỗ Thị Q, sinh năm 1999 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết và người con tên Đỗ Thúy K, sinh ngày 20/02/2005 tùy ý kiến của con sống chung với ai thì người đó nuôi dưỡng, bên còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 09/7/2020 và quá trình tố tụng bị đơn chị Kim Thị Ph trình bày: Chị thống nhất như đơn khởi kiện của anh H về vấn đề hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Thời gian đầu cuộc sống của hai vợ chồng rất hạnh phúc nhưng do có mâu thuẫn nên từ năm 2016 hai bên đã sống ly thân cho đến nay, hai bên có tạo điều kiện hàn gắn nhưng không thành. Về con chung tên Đỗ Thị B, sinh năm 1997, Đỗ Thị Q, sinh năm 1999 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn người con tên Đỗ Thúy K, sinh ngày 20/02/2005 chị Ph thống nhất giao con cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung thống nhất không có. Nay với yêu cầu ly hôn của anh H, yêu cầu không công nhận là quan hệ vợ chồng thì chị đồng ý ly hôn.

Cháu Đỗ Thúy K có nguyện vọng được sống chung với cha là anh Đỗ Văn H.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa cùng với xem xét toàn diện vụ án và yêu cầu giải quyết của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Đây là vụ án “*Tranh chấp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*” theo quy định tại khoản 7, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại xã A, huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35; khoản 1, Điều 36; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] *Về nội dung vụ án:*

Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Văn H và chị Kim Thị Ph tổ chức cưới vào năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ, chồng có mâu thuẫn cãi vã với nhau nên không có hạnh phúc. Vì không thể chung sống hòa thuận với nhau nên anh, chị đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Trong quá trình ly thân thì hai bên không quan tâm đến nhau và không còn tình cảm với nhau nữa. Do anh chị chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử cần xem xét giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh H với chị Ph.

Bị đơn chị Kim Thị Ph cũng đồng ý theo đơn khởi kiện của anh H, nhưng do các bên không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng theo đúng quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh H, chị Ph thống nhất có 03 người con chung là cháu Đỗ Thị B, sinh năm 1997, Đỗ Thị Q, sinh năm 1999 và Đỗ Thúy K, sinh ngày 20/02/2005. Quá trình giải quyết vụ án chị Ph đồng ý giao con tên Đỗ Thúy K, sinh ngày 20/02/2005 cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng, anh H không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cháu K cũng có nguyện vọng được sống với cha là Anh H. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với cháu Đỗ Thị B, sinh năm 1997, Đỗ Thị Q, sinh năm 1999 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất không có Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí:* Anh Đỗ Văn H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Kim Thị Ph không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 7, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 36; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1, Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 57; Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đỗ Văn H với chị Kim Thị Ph.

2. Về con chung: tên Đỗ Thị B, sinh năm 1997 và Đỗ Thị Q, sinh năm 1999 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Còn người con tên Đỗ Thúy K, sinh ngày 20/02/2005 giao cho anh Đỗ Văn H được tiếp tục nuôi dưỡng, anh H không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng nuôi con.

Cháu Đỗ Thúy K cũng có nguyện vọng được sống với cha là anh Đỗ Văn H.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng. Bên không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản và quyền được thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Đỗ Văn H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009774 ngày 02/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh nên nộp xong.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Trần Văn Tấn